

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH G**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/HSST.**

Ngày: 12/6/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K -TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh.

2. Ông Phan Đình Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện K, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện K, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thùy - Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 12/6/2020, tại Hội trường xét xử TAND huyện K, TAND huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T, sinh năm 1996 tại: Thị xã A, tỉnh G; nơi thường trú: Thôn Cửu Đạo 2, xã T, thị xã A, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; tiền án: Có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, tiền sự: Không; con ông Nguyễn Thành Đông và bà Nguyễn Thị Nga, vợ là Đặng Thị L và 01 con. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/11/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố (TDP) 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh G (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Ngọc N, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn Tú Thủy 3, xã T, thị xã A, tỉnh G (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997;

Địa chỉ: TDP 6, thị trấn K, huyện K, tỉnh G (vắng mặt).

- Anh Võ Tiến Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: TDP 6, thị trấn K, huyện K, tỉnh G (vắng mặt).

- Chị Đặng Thị L, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn Cửu Đạo 2, xã T, thị xã A, tỉnh G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 05/11/2019, Nguyễn Thành T mượn xe mô tô biển kiểm soát: 81G-225.52 của Lê Ngọc N, sinh năm 2000, trú tại: Thôn Tú Thủy 3, xã T, thị xã A, tỉnh G đi thị trấn K chơi. T đi dọc theo các tuyến đường tại thị trấn K để tìm quán mua đồ ăn đem đến nhà bạn tên Hoàng Tuấn Anh, sinh năm 1998, trú tại: TDP 14, thị trấn K để nhậu. Khi đi trên đường Lê Văn Tám, T thấy quán Hà Nội Xưa thuộc TDP 6, thị trấn K do chị Lê Thị H làm chủ, mở cửa. T dựng xe mô tô ở vỉa hè và đi bộ vào trong quán, T gọi chủ quán nhưng không ai trả lời. T nhìn thấy giữa quán có dựng một chiếc xe mô tô tay ga màu đen bạc, biển kiểm soát: 90K-2710, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa. Quan sát thấy không có ai, T nảy sinh ý định mở cốp xe xem có tài sản thì lấy trộm. T đi lại vị trí chiếc xe mô tô kiểm tra thấy cốp xe không khóa, T dùng tay mở yên xe lên, thò tay vào trong cốp xe lấy một túi xách da màu đen lục tìm và lấy một xấp tiền Ngân hàng nhà nước Việt N nhiều mệnh giá khác nhau bỏ vào túi quần. Sau đó T rút túi xách bên cạnh xe và quay ra lấy xe mô tô biển kiểm soát: 81G-225.52 bỏ đi. Đến chỗ vắng người, T kiểm tra số tiền trộm cắp được là 5.610.000 đồng gồm các mệnh giá : 500.000 đồng, 100.000 đồng, 50.000 đồng, 10.000 đồng, 5.000 đồng, 2.000 đồng và 1.000 đồng. T cầm số tiền đã trộm cắp được đi đến cửa hàng điện thoại Tiến Đ ở đường Phan Bội Châu gặp anh Võ Tiến Đ, sinh năm 1988, trú tại: TDP 3, thị trấn K là chủ cửa hàng, chuộc lại chiếc điện thoại di động OPPO do T đã thế chấp trước đó với số tiền là 1.550.000 đồng. T tiếp tục đến cửa hàng điện thoại Hoàng Vĩ cùng ở đường Phan Bội Châu gặp chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997, trú tại; TDP 6, thị trấn K là chủ cửa hàng chuộc lại chiếc điện thoại di động IPHONE do T thế chấp trước đó với số tiền là 3.700.000 đồng. Số tiền còn lại 360.000 đồng, T đã tiêu xài cá nhân rồi điều khiển xe mô tô về trả cho Lê Ngọc N, sau đó đi về nhà.

Về phía bị hại, sau khi phát hiện bị mất tài sản đã báo Công an huyện K để tìm kiếm. Cơ quan Cảnh sát Điều tra (CQCSĐT) Công an huyện đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai và truy tìm đối tượng. Đến 18 giờ 05 phút cùng ngày, nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên T đã đến Công an huyện K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 chiếc điện thoại di động T đã dùng tiền trộm cắp được chuộc về từ cửa hàng điện thoại Tiến Đ và cửa hàng điện thoại Hoàng Vĩ.

Quá trình điều tra, CQCSĐT Công an huyện K đã thu giữ:

- 01 điện thoại di động OPPO A3 màu đen và 01 điện thoại di động IHPONE 6S Plus màu trắng (không kiểm tra chất lượng bên trong) do Nguyễn Thành T giao nộp khi đến cơ quan Công an đầu thú.

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA màu trắng, biển số 81G1-22.552 do Lê Ngọc N là chủ sở hữu giao nộp.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt N 1.550.000 đồng do anh Võ Tiến Đ giao nộp.
- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt N 3.700.000 đồng do chị Nguyễn Thị Bích D giao nộp.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho anh N 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu trắng, biển kiểm soát: 81G1-22.552, trả cho anh Đ 1.550.000 đồng, trả cho chị Nguyễn Thị Bích D 3.700.000 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền đã trộm cắp là 5.610.000 đồng. Sau khi nhận tiền, chị H không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định 02 chiếc điện thoại di động là tài sản hợp pháp của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả cho vợ bị cáo là chị Đặng Thị Lượm 01 điện thoại di động OPPO A3 màu đen và 01 điện thoại di động IPHONE 6S Plus màu trắng (bị cáo ủy quyền cho vợ bị cáo nhận tài sản).

Tại Bản cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 30/3/2020, VKSND huyện K, tỉnh G đã truy tố Nguyễn Thành T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện K, tỉnh G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*"; đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để xử phạt Nguyễn Thành T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về dân sự: Đã được giải quyết xong nên không đề cập đến nữa.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định là 200.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, tỏ thái độ ăn năn hối cải và đề nghị được hưởng mức hình phạt là 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của CQCSĐT Công an huyện K, Điều tra viên, VKSND huyện K, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thành T khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo tại CQCSĐT Công an huyện K và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện rằng:

Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 05/11/2019, Nguyễn Thành T đến quán Hà Nội Xưa của chị Lê Thị H ở đường Lê Văn Tám thuộc TDP 6, thị trấn K mục đích mua đồ ăn. T thấy quán mở cửa nhưng gọi không có người và có chiếc xe mô tô BKS 90K-2710 vẫn còn chìa khóa trên xe nên T nảy sinh ý định mở cốp xe để trộm tài sản. T đi lại vị trí chiếc xe mô tô, kiểm tra thấy cốp xe không khóa nên dùng tay mở yên xe lên, thò tay vào trong cốp xe lấy một túi xách da màu đen lục tìm và lấy một xấp tiền với nhiều mệnh giá khác nhau bỏ vào túi quần. Sau đó, T rút túi xách bên cạnh xe và bỏ đi đến chỗ vắng kiểm tra số tiền trộm cắp được là 5.610.000 đồng. Số tiền này T đã dùng để chuộc lại 02 chiếc điện thoại di động mà bị cáo đã cầm trước đó và tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Thành T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 của BLHS năm 2015. Do trước đó, vào ngày 19/8/2016, T đã bị TAND thị xã A, tỉnh G xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và ngày 07/6/2018, T lại bị TAND thị xã A xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Do T đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên được coi là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS năm 2015. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Thành T đã phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015. Do đó, VKSND huyện K đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo phạm tội khi đã có 02 tiền án cùng về tội trộm cắp tài sản, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo; ở lần phạm tội này, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm nên HĐXX thấy cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thích đáng, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và nâng cao hiệu quả phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho người bị hại; sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Vì vậy, HĐXX cũng xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

Trong vụ án này có anh Võ Tiến Đ và chị Nguyễn Thị Bích D là những người cho bị cáo chuộc lại 02 chiếc điện thoại từ số tiền bị cáo trộm cắp mà có. Do anh Đ và chị D đều không biết số tiền đó là do bị cáo phạm tội mà có nên anh chị là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Trong vụ án còn có anh Lê Ngọc N, là người đã cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát: 81G1-22.552. Do anh N không biết bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên anh N cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại là chị Lê Thị H, chị H không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét đến nữa.

[5] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (HSST) theo quy định.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thành T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

-Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T **02** năm **06** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 05/11/2019).

-Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị L có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị TAND tỉnh G xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục THADS huyện
(khi án có HLPL);
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA,VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Nguyên

